

Phụ lục I
**BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG
NĂM 2025**

(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	542.811.500	542.811.500
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)		
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước		D(đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		D (đồng)		
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài		D(đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác		D(đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước		D(đồng)		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D(đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D(đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D(đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn		D(đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			(125.085.642)	(1.233.036.313)
8. Vốn điều lệ		D(đồng)	2.445.710.637.528	2.445.710.637.528

9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	1.440.114.265	2.765.570.328
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	1.440.114.265	2.765.570.328
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN			1.183.821.836	1.657.619.657
- Lợi nhuận đã nộp NSNN				
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN			131.206.787	(125.085.642)
12. Tổng quỹ lương		đồng	24.672.155.164	24.904.038.488
13. Số lao động bình quân (người)			313,00	318,00
14. Tiền lương bình quân người/năm			78.824.777	78.314.586

Báo cáo này nằm ngoài báo cáo tài chính của đơn vị. DN căn cứ vào số liệu theo dõi trên sổ sách kế toán để nhập số liệu vào mẫu biểu.

Gia Lai, ngày 12 tháng 03 năm 2026
CÔNG TY TNHH KTCT THỦY LỢI GIA LAI



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Năng Dũng